

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ MỸ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *9691*/QĐ-UBND

Phù Mỹ, ngày *12* tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTN ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô

thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/4/2023 của UBND huyện về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Theo đề nghị của Ban quản lý dự án Quy hoạch đô thị và Quy hoạch xây dựng huyện tại Tờ trình số 99/TTr-BQLQH ngày 06/12/2023 và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 92/TTr-KTHT ngày 11/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ An, với các nội dung chính, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ; có giới cận cụ thể như sau:

+ Phía Nam giáp : xã Mỹ Thọ.

+ Phía Bắc giáp : xã Mỹ Thắng.

+ Phía Đông giáp : biển Đông.

+ Phía Tây giáp : xã Mỹ Lợi.

b) Quy mô lập quy hoạch:

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 2.441 ha.

- Quy mô dân số hiện trạng năm 2022 khoảng 8.900 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 8.800 người và năm 2035 khoảng 9.000 người.

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xã Mỹ An thuộc phân vùng III theo phân vùng phát triển của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035; Là vùng phát triển đô thị, du lịch biển; phát triển công nghiệp chế biến thủy sản ứng dụng công nghệ cao gắn với phát triển kinh tế biển, kết hợp với an ninh quốc phòng. Phát triển năng lượng tái tạo, du lịch biển gắn với biển Đông và cảnh quan sinh thái của

đầm Trà Ô và đầm Đề Gi.

- Là xã nằm trên tuyến hành lang kinh tế phía Đông huyện Phù Mỹ, phát triển mang tính đồng hành, tương hỗ với chuỗi đô thị ven biển của tỉnh.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kết nối đồng bộ với các đô thị; xác lập quỹ đất ở, thương mại, dịch vụ; quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả sử dụng đất gắn kết giữa hoạt động sản xuất với bảo vệ môi trường; rà soát, bổ sung các chỉ tiêu theo quy định của Bộ tiêu chí xã Nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Các động lực phát triển chính:

- Phát huy các lợi thế về vị trí: Là xã thuộc hành lang kinh tế biển, tập trung các đô thị du lịch biển, trung tâm chế biến thủy sản, trung tâm năng lượng, trung tâm du lịch ven biển, khu công nghiệp và cảng biển. Hệ thống giao thông kết nối liên hoàn, với tuyến đường ven biển quốc gia ở phía Đông, thuận lợi giao thương liên khu vực, phát triển đô thị dọc tuyến; Định hướng cơ cấu kinh tế chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp gắn kết với phát triển thương mại, dịch vụ du lịch sinh thái, trải nghiệm; phát triển đô thị, thương mại và dịch vụ tại khu vực trung tâm xã tại khu vực Chánh Giáo- Xuân Phương.

- Xã Mỹ An là địa phương có vùng đất, mặt nước nằm trong định hướng phát triển Khu bến cảng gắn liền với khu công nghiệp của tỉnh, là động lực phát triển của địa phương, là điều kiện rất thuận lợi để thu hút đầu tư và lao động.

- Giai đoạn 2023-2030: Nông nghiệp và lâm nghiệp chiếm vai trò chủ đạo, từng bước dịch chuyển cơ cấu sang công nghiệp và thương mại - dịch vụ.

- Giai đoạn 2030-2035: Xác định công nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của xã, ưu tiên hình thành khu bến cảng tổng hợp Phù Mỹ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh và khu vực gắn liền với khu công nghiệp phục vụ công nghiệp nặng, cơ khí, đóng tàu, một số nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp, giấy, hóa chất và sản xuất thiết bị phụ trợ phục vụ phát triển công nghiệp, công nghiệp điện gió, tổ hợp sản xuất và xuất khẩu năng lượng mới (hydrogen/ amoniac xanh...). Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông lâm sản, phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái, trải nghiệm.

5. Quy hoạch phát triển không gian:

5.1. Quy hoạch khu dân cư:

Khu trung tâm xã và các khu dân cư nông thôn bao gồm các khu dân cư hiện hữu cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch mới tập trung ở các thôn: Chánh Giáo, Hòa

Ninh, Thuận Đạo, Xuân Bình, Xuân Phương, Xuân Thạnh, Xuân Thạnh Nam. Quy hoạch quỹ đất để phát triển nhà ở dân cư, phát triển thương mại - dịch vụ kết hợp cải tạo, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu phục vụ đời sống Nhân dân. Tổng diện tích khoảng 393,22 ha, gồm:

- Khu trung tâm hành chính xã: Bao gồm khu vực trung tâm xã hiện hữu, quy hoạch mở rộng về hướng Tây và hướng Bắc thuộc thôn Chánh Giáo và thôn Xuân Phương; là trung tâm hành chính, tập trung các công trình công cộng Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã và các công trình y tế, giáo dục, dịch vụ, thể thao và giải trí, diện tích khoảng 175 ha.

- Khu dân cư phía Đông đường ĐT.639 thuộc các thôn Xuân Thạnh - Xuân Thạnh Nam: Khu dân cư hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch mở rộng về phía Tây, bố trí quỹ đất hỗn hợp, thương mại - dịch vụ phát triển dọc tuyến đường ĐT.639, phục vụ nhu cầu ở của người lao động khi hình thành khu công nghiệp và khu bến cảng, diện tích khoảng 100,8 ha.

- Khu dân cư thôn Thuận Đạo: Khu dân cư hiện hữu định hướng cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch mới các khu dân cư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật kết hợp với khu thương mại - dịch vụ, diện tích khoảng 98,6 ha.

- Quy hoạch các điểm dân cư nhỏ lẻ, xen cài trong các cụm dân cư hiện hữu, nhằm đáp ứng nhu cầu đất ở cho người dân, diện tích khoảng 18,82 ha.

5.2. Quy hoạch các khu vực phát triển:

a) Khu vực sản xuất công nghiệp: Quy hoạch quỹ đất sản xuất công nghiệp, phục vụ bến cảng Phù Mỹ dọc theo tuyến đường ĐT.639, diện tích khoảng 843,9 ha (theo định hướng quy hoạch cấp trên); giữ nguyên hiện trạng khu sản xuất năng lượng tái tạo tại phía Bắc trung tâm xã, diện tích khoảng 77,53 ha.

b) Khu vực phát triển thương mại - dịch vụ: Quy hoạch chuyển đổi chức năng đất tiểu thủ công nghiệp hiện hữu thành đất dịch vụ thương mại và đất hỗn hợp phục vụ nhu cầu phát triển trong tương lai tại thôn Xuân Thạnh, diện tích khoảng 18,6 ha.

c) Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn: Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn phía Đông đường ĐT.639 thuộc thôn Xuân Thạnh, diện tích 3,06 ha; là khu vực đầu mối về hậu cần nghề cá của địa phương, cung cấp vật tư, nhiên liệu, thu mua và trung chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định.

d) Khu vực phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp:

- Khu vực chuyên trồng lúa: Tập trung khu vực phía Tây Bắc xã, tại thôn Hòa Ninh và thôn Xuân Phương, diện tích khoảng 288,02 ha.

- Khu vực phát triển lâm nghiệp: Tập trung tại khu vực phía Tây xã, thuộc thôn Thuận Đạo và thôn Hòa Ninh, diện tích khoảng 639,98 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2030		Đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Khu đất nông nghiệp	1.728,75	70,82	990,35	40,57	928,00	38,02
1.1	Đất trồng lúa	260,5	10,67	212,75	8,72	180,4	7,39
1.2	Đất trồng trọt khác	421,79	17,28	137,62	5,64	107,62	4,41
1.3	Đất rừng sản xuất	132,18	5,41	126,5	5,18	126,5	5,18
1.4	Đất rừng phòng hộ	803,28	32,91	513,48	21,04	513,48	21,04
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	110,17	4,51		0,00		0,00
1.6	Đất nông nghiệp khác	0,83	0,03				
2	Đất xây dựng	559,33	22,91	1.408,55	57,70	1.470,90	60,26
2.1	Đất ở	249,88	10,24	215,69	8,84	255,97	10,49
	- Đất ở tại nông thôn	82,99		82,99		97,99	
	- Đất ở quy hoạch mới			25,8		39,4	
	- Đất hỗn hợp đơn vị ở			6,4		22,95	
	- Đất vườn chung thừa đất ở	166,89		100,5		95,63	
2.2	Đất công cộng	8,17	0,33	12,15	0,50	12,15	0,50
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,49	0,06	27,72	1,14	27,72	1,14
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,61	0,07	1,57	0,06	1,57	0,06
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	85,53	3,50	921,43	37,75	921,43	37,75
	Đất cụm công nghiệp	8	0,33				
	Đất công trình năng lượng	77,53	3,18	77,53	3,18	77,53	3,18
	Đất công nghiệp			843,9	34,57	843,9	34,57
2.6	Đất xây dựng các chức năng khác	7,27	0,30	30,72	1,26	30,72	1,26
2.7	Đất hạ tầng kỹ thuật	200,38	8,21	194,97	7,99	217,04	8,89
	- Đất giao thông	88,95	3,64	139,72	5,72	161,79	6,63
	+ Giao thông đối ngoại	15,6	0,64	47,8	1,96	47,8	1,96
	+ Giao thông đối nội	73,35	3,00	91,92	3,77	113,99	4,67
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	94,28	3,86	37	1,52	37	1,52
	- Hạ tầng kỹ thuật khác	17,15	0,70	18,25	0,75	18,25	0,75
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	5	0,20	4,3	0,18	4,3	0,18
	- An ninh	0,3	0,01	0,3	0,01	0,3	0,01
	- Quốc phòng	4,7	0,19	4	0,16	4	0,16

TT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng		Đến năm 2030		Đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3	Đất khác	152,92	6,26	42,1	1,72	42,1	1,72
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	15,81	0,65	9,1	0,37	9,1	0,37
3.2	Đất chưa sử dụng	97,57	4,00	15	0,61	15	0,61
3.3	Đất mặt nước chuyên dùng	27,82	1,14	18	0,74	18	0,74
3.5	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	8,72	0,36		0,00		0,00
3.6	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	3	0,12		0,00		0,00
	Tổng cộng	2.441,0	100	2441,0	100	2441,0	100

6.1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

- + Đất khu dân dụng: 153,6 m²/người.
- + Đất nhóm ở: 78,4 m²/người.
- + Đất cây xanh công viên, TDTT đơn vị ở: 22,2 m²/người.
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật đô thị: 16,1 m²/người.

6.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) ban hành theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc và các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan về quy hoạch xây dựng.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mặt:

- Cao độ nền xây dựng bám sát địa hình tự nhiên, lựa chọn với tần suất lũ tối đa 10%; hướng dốc chủ yếu từ Tây sang Đông và từ Bắc xuống Nam; giải pháp cốt nền quy hoạch chi tiết phải đảm bảo thoát nước mưa nhanh, không gây xói lở, xói mòn và ngập úng.

- Giải pháp thoát nước mặt chung phù hợp với địa hình tự nhiên thoát ra lưu vực phía Bắc xả đổ về các hệ thống suối, đổ ra đầm Châu Trúc và lưu vực phía Nam thoát về hệ thống sông, suối nhỏ thoát ra sông Lạch mới.

7.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Cập nhật các tuyến đường theo định hướng quy hoạch cấp trên và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ, gồm: đường ven biển (ĐT.639), Tuyến đường tỉnh ĐT.632 theo lộ giới theo quy hoạch được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Giao thông đối nội: Các tuyến giao thông trung tâm xã, liên xã, lộ giới từ 18m đến 30m; các tuyến đường liên thôn được quy hoạch mới và cải tạo nâng cấp, lộ giới 6,5m (đoạn qua trung tâm xã, lộ giới 14 m đến 18 m); đường ngõ xóm, nội đồng tối thiểu đạt B.

- Hệ thống các bãi đỗ xe: Quy hoạch tổng quy mô diện tích 4,35 ha.

7.3. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2035 khoảng 20.233 m³/ngày.đêm, đến năm 2035 khoảng 20.703 m³/ngày.đêm. Trong đó, nhu cầu nước cho sinh hoạt khoảng 900 m³/ngày.đêm.

- Nguồn cấp nước:

+ Nước sinh hoạt đô thị và sinh hoạt cho khu công nghiệp được lấy từ nhà máy nước thuộc Dự án cấp nước ven biển huyện Phù Mỹ, bố trí quỹ đất xây dựng Trạm bơm tăng áp tại thôn Xuân Phương, diện tích khoảng 0,25 ha.

+ Nước phục vụ sản xuất cho khu công nghiệp sử dụng nước ngầm kết hợp với nước mặt theo định hướng của quy hoạch cấp trên.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy được quy hoạch thiết kế đảm bảo các quy định về PCCC.

7.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu công suất điện toàn khu: Đến năm 2030 khoảng 141.904 kVA và đến năm 2035 khoảng 141.985 kVA.

- Nguồn cấp điện: Từ trạm biến áp 110/22kV Phù Mỹ 25+40MVA. Giai đoạn 2026 - 2030 nâng công suất trạm biến áp Phù Mỹ 110/22KV lên 2x40MVA theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Định.

7.5. Thông tin liên lạc: Căn cứ vào quy hoạch phát triển viễn thông và internet Việt Nam. Tổng nhu cầu thuê bao dự kiến đến năm 2035 đạt 6.850 thuê bao.

7.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Tổng lượng nước thải đến năm 2030 khoảng 18.953 m³/ngày.đêm; đến năm 2035 khoảng 19.401 m³/ngày.đêm.

+ Nguồn tiếp nhận: Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên, trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên. Nước thải công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn tại công trình xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Chất thải rắn:

+ Tổng lượng rác thải đến năm 2035 khoảng 261,32 tấn/ngày, trong đó rác thải sinh hoạt khoảng 9,32 tấn/ ngày; rác thải công nghiệp khoảng 252 tấn/ngày.

+ Tiếp tục vận động Nhân dân phân loại, tập kết và tổ chức thu gom rác thải theo Chương trình “Phân loại rác tại nguồn”. Giai đoạn trước mắt, rác thải được thu gom và đưa về khu xử lý rác thải chung của huyện, về lâu dài ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý rác thải thân thiện với môi trường.

+ Xử lý CTR công nghiệp: Thực hiện thu gom xử lý CTR công nghiệp theo Luật Môi trường.

- Nghĩa trang:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Sử dụng nghĩa trang tập trung tại thôn Hòa Ninh theo quy hoạch nông thôn mới xã. Tăng cường công tác tuyên truyền, từng bước đóng cửa các nghĩa địa hiện trạng nằm xen kẽ trong các khu ở; đồng thời vận động, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ hỏa táng.

+ Giai đoạn dài hạn: Chôn cất tập trung tại nghĩa trang khu vực phía Nam huyện Phù Mỹ (quy hoạch tại xã Mỹ Lộc, quy mô khoảng 15 ha) theo Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng kế hoạch đóng cửa các nghĩa trang trong khu vực và chuyển đổi thành đất cây xanh theo lộ trình phù hợp.

9. Đánh giá môi trường chiến lược: Kèm theo thuyết minh đồ án.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã: Kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch.

11. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện: Kèm theo thuyết minh đồ án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ban quản lý dự án Quy hoạch đô thị và Quy hoạch xây dựng huyện phối hợp UBND xã Mỹ An và các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa; gửi hồ sơ quy hoạch được phê duyệt cho Sở Xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị có liên quan để lưu trữ, quản lý quy hoạch theo quy định.

- UBND xã Mỹ An tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên, mời gọi đầu tư theo phân kỳ, đảm bảo mục tiêu đã được xác định. Định kỳ 05 năm tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung quy hoạch phải thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện kiểm tra, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

- Giao các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đồ án này

theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Văn hoá và Thông tin, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Chủ tịch UBND xã Mỹ An và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *enun*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện uỷ (báo cáo);
- TT. HĐND huyện (báo cáo);
- Sở Xây dựng (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT, LMH. *en*



CHỦ TỊCH

Lê Văn Lịch